

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON NGỌC LAN
Số: 279/QĐ-MNNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 Trường Mầm non Ngọc Lan

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT - BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân Quận về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho Trường Mầm non Ngọc Lan;

Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Ngọc Lan

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 của Trường Mầm non Ngọc Lan (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Ngọc Lan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Kim Ngân

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính

Đơn vị : **Trường Mầm Non Ngọc Lan**

Chương : 622

CÔNG KHAI

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNL ngày 19/11/2024 của Trường Mầm non Ngọc Lan)

ĐV tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán thu		
I	Tổng số thu	-	
1	Thu phí, lệ phí		
	-Học phí		
2	Thu sự nghiệp khác	-	
	-Thu khác		
	-Thu SXKD		
II	Số thu nộp ngân sách nhà nước		
1	Phí, lệ phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Số được để lại theo chế độ	-	
1	Phí, lệ phí		
	-Học phí	-	
2	Hoạt động sự nghiệp khác	-	
	-Thu khác	-	
	-Thu SXKD	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	69.621.000	
1	Kinh phí thường xuyên (Nguồn 13)	57.631.000	
	Kinh phí thực hiện do xếp CDNN	57.631.000	
	Kinh phí không thường xuyên (Nguồn 14)	11.990.000	
	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ 1,8tr lên 2,34 tr	11.990.000	

Ngày 19 tháng 11 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Kim Ngân

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT/BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định 5485/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

PHÂN DÂN

Căn cứ Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách năm 2024, giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc điều chỉnh Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp;

Căn cứ Quyết định số 5494/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao quản lý và tham mưu điều hành chi ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực năm 2024; giao dự toán chi ngân sách năm 2024 thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện cho Phòng Tài chính – Kế hoạch quản lý;

Căn cứ Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về điều chỉnh Quyết định số 5494/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngành giáo dục Gò Vấp năm 2024,

Theo đề nghị của các đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1230/TTr-TCKH ngày 13 tháng 9 năm 2024 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho cơ sở giáo dục công lập thuộc quận, số tiền 14.124.670.000 đồng (số tiền bằng chữ: Mười bốn tỉ một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng)

(chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí: từ dự toán chưa phân giao tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận do Phòng Tài chính – Kế hoạch đang quản lý.

Điều 2. Điều chỉnh giảm dự toán của Phòng Tài chính – Kế hoạch số tiền 14.124.670.000 đồng từ nguồn dự toán chưa phân giao tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận do Phòng Tài chính – Kế hoạch đang quản lý.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Kun*

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy;
- Các PCT UBND quận;
- UB MTTQ VN quận;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử quận (để công khai);
- Lưu: VT.(N).8b



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng



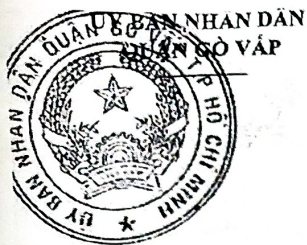


PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị : đồng

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí thực hiện do xếp chức danh nghề nghiệp		Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	
						Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 14)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 14)
A	B	C	D	I=2+3+4+5	I	2	3	4	5
I			Chi sự nghiệp giáo dục	14.124.670.000	(2.072.838.000)	12.395.689.000	2.583.540.000	1.071.873.000	146.406.000
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	11.637.000		9.633.000	2.004.000	0	0
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	6.346.000		5.253.000	1.093.000	0	0
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	58.293.000		48.254.000	10.039.000	0	0
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	6.120.000		0	0	5.209.000	911.000
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	11.791.000		9.760.000	2.031.000	0	0
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	0		0	0	0	0
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	45.687.000		37.819.000	7.868.000	0	0
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	9.290.000		0	0	7.690.000	1.600.000
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	9.128.000		0	0	7.556.000	1.572.000
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	30.279.000		19.303.000	4.016.000	5.761.000	1.199.000
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	69.621.000		57.631.000	11.990.000	0	0
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	0		0	0	0	0
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	19.711.000		0	0	16.969.000	2.742.000
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	5.917.000		4.898.000	1.019.000	0	0
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	0		0	0	0	0
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	0		0	0	0	0
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	143.302.000		54.583.000	11.356.000	64.039.000	13.324.000
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	12.982.000		0	0	10.746.000	2.236.000
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	29.155.000		0	0	24.134.000	5.021.000
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	122.916.000		60.076.000	12.499.000	41.671.000	8.670.000
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	31.630.000		26.183.000	5.447.000	0	0
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Tường Vi	68.348.000		42.200.000	8.780.000	14.377.000	2.991.000
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	184.372.000		139.343.000	28.991.000	13.276.000	2.762.000
24	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	109.187.000		21.050.000	4.380.000	69.332.000	14.425.000
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	448.008.000		370.851.000	77.157.000	0	0
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn On	385.070.000		313.630.000	65.252.000	5.470.000	718.000
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	216.169.000		138.730.000	28.863.000	44.266.000	4.310.000
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hạnh Thông	514.341.000		358.760.000	74.641.000	75.040.000	5.900.000
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	474.853.000		375.442.000	78.112.000	18.329.000	2.970.000

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí thực hiện do xếp chức danh nghề nghiệp		Kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo	
						Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 14)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 14)
A	B	C	D	1=2+3+4+5	1	2	3	4	5
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	306.785.000		243.720.000	50.707.000	10.846.000	1.512.000
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	626.148.000		495.886.000	103.171.000	23.545.000	3.546.000
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	388.795.000		321.836.000	66.959.000	0	0
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	259.405.000		214.730.000	44.675.000	0	0
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	518.961.000		400.265.000	83.277.000	31.127.000	4.292.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	659.297.000		521.359.000	108.471.000	25.503.000	3.964.000
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	395.796.000		315.233.000	65.585.000	13.179.000	1.799.000
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	384.293.000		318.109.000	66.184.000	0	0
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	593.158.000		424.060.000	92.798.000	73.366.000	2.934.000
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	-1.515.298.000	(2.301.179.000)	644.134.000	134.014.000	6.742.000	991.000
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	842.662.000		661.033.000	137.530.000	39.774.000	1.268.000
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	397.817.000		234.291.000	48.745.000	102.482.000	1.290.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	356.049.000		277.657.000	57.768.000	18.024.000	2.608.000
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	646.771.000		418.925.000	87.159.000	130.938.000	1.549.000
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	292.318.000		188.334.000	39.184.000	56.933.000	861.000
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	366.324.000		270.831.000	56.347.000	36.430.000	2.716.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	426.219.000		352.815.000	73.404.000	0	0
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	249.748.000		179.516.000	37.349.000	27.220.000	664.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	163.967.000		135.728.000	28.239.000	0	0
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	400.741.000		331.724.000	69.017.000	0	0
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	647.284.000		535.807.000	111.477.000	0	0
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	302.306.000		250.242.000	52.064.000	0	0
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	225.442.000		186.616.000	38.826.000	0	0
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	230.752.000		191.011.000	39.741.000	0	0
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	194.676.000		161.148.000	33.528.000	0	0
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	366.998.000		251.894.000	52.407.000	51.899.000	10.798.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	205.134.000		169.805.000	35.329.000	0	0
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	366.310.000		303.223.000	63.087.000	0	0
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	428.305.000		354.541.000	73.764.000	0	0
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	458.310.000		379.379.000	78.931.000	0	0
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	234.390.000		194.023.000	40.367.000	0	0
61	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	680.654.000	228.341.000	374.415.000	77.898.000	0	0
			TỔNG	14.124.670.000	(2.072.838.000)	12.395.689.000	2.583.540.000	1.071.873.000	146.406.000



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024
CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3351 /QĐ-UBND ngày 14 / 11 /2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

STT	MÃ ĐVSDNS	C-K	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 14)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)
A	B	C	D	1=2+3+4	2	3	4
B			SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	(14.124.670.000)	-	-	(14.124.670.000)
1	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(14.124.670.000)	-	-	(14.124.670.000)
		618-098	Dự toán chưa phân giao tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận do Phòng Tài chính – Kế hoạch đang quản lý	(16.425.849.000)			(16.425.849.000)
		618-098	Dự toán chưa phân giao tại Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận do Phòng Tài chính – Kế hoạch đang quản lý	2.301.179.000			2.301.179.000
			Tổng cộng	(14.124.670.000)	-	-	(14.124.670.000)